

Tương ứng với nội dung sửa khoản 1 Điều 12 nêu trên, nội dung tại khoản 2 Điều 13 được sửa như sau:

“2. Khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này còn trong hạn theo thời hạn cơ cấu lại, tổ chức tín dụng không thực hiện điều chỉnh, phân loại lại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn theo quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp khoản nợ này quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại mà không được tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc không còn số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng quy định tại Nghị định này, tổ chức tín dụng thực hiện phân loại nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại tài sản có trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

- Nghị định kế thừa quy định chính sách “giữ nguyên nhóm nợ” tại Nghị định 55/2015/NĐ-CP để tạo điều kiện cho khách hàng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng. Tuy nhiên, NHNN sửa đổi nội dung quy định này theo hướng *cho phép giữ nguyên nhóm nợ đối với đối với khoản nợ có số dư nợ gốc, lãi đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của NHNN* để phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và đồng bộ với quy định tại Nghị định 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024 của Chính phủ:

+ Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: *Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN*. Theo đó, nội dung cơ cấu lại thời hạn trả nợ tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP sẽ được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư của NHNN (sửa đổi, bổ sung Thông tư 10/2015/TT-NHNN).

+ Khoản 4 Điều 2 và khoản 7 Điều 4 Nghị định số 86/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

Các khoản nợ mà Chính phủ có quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro khác với quy định tại Nghị định này thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định đó của Chính phủ.

Trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có quy định, quyết định về phân loại tài sản có của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà không có quy định về trích lập dự phòng rủi ro thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định này trên cơ sở nhóm nợ được phân loại theo quy định, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Bỏ quy định về *Tổ chức tín dụng thực hiện xử lý rủi ro cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định của pháp luật* tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 55/2015/NĐ-CP vì việc xử lý rủi ro đã được quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, các văn bản hướng dẫn (Nghị định của Chính phủ, Thông tư của NHNN).

2.7. Bổ sung Điều 15a về *chính sách tín dụng khuyến khích sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn*

Khách hàng có dự án, phương án sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo quy định của pháp luật về nông nghiệp hữu cơ hoặc dự án, phương án sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp đáp ứng tiêu chí về kinh tế tuần hoàn theo quy định pháp luật về kinh tế tuần hoàn¹⁰ được hưởng chính sách tín dụng tương tự như khách hàng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết trong sản xuất nông nghiệp, cụ thể: (i) Được xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa bằng 70% giá trị của dự án, phương án; (ii) Trường hợp khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng được tổ chức xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, khoanh nợ không tính lãi tối đa 03 (ba) năm.

Lý do sửa đổi: Thực hiện theo chỉ đạo, định hướng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và để khuyến khích người dân, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp theo các mô hình mới, phù hợp với xu thế phát triển nông nghiệp hiện nay.

2.8. Sửa đổi quy định về việc thụ hưởng chính sách quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP

NHNN đề xuất 02 Phương án: (i) *Phương án 1:* Trường hợp đồng thời có nhiều chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho khách hàng bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, khách hàng vẫn được xem xét khoanh nợ theo quy định tại Nghị định này; (ii) *Phương án 2:* Trường hợp đồng thời có nhiều chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho khách hàng bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, khách hàng được lựa chọn thụ hưởng một chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

Lý do sửa đổi và đề xuất 02 phương án: Thực tế phát sinh trường hợp khách hàng đã được hưởng chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo quy định tại Nghị định 02/2017/NĐ-CP của Chính phủ (hiện đã được thay thế bởi Nghị định 09/2025/NĐ-CP) nhưng khách hàng vẫn đề nghị được hỗ trợ khoanh nợ đối với phần vốn vay ngân hàng do khách hàng hiểu đây là chính sách hỗ trợ về tín dụng do thiên tai, dịch bệnh, khác với chính sách hỗ trợ thiệt hại (tiêu hủy vật nuôi, khôi phục vùng nuôi trồng bị thiệt hại...) và việc được khoanh nợ trong thời

¹⁰ Khái niệm sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ; mô hình kinh tế tuần hoàn theo Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 138 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

gian khó khăn sẽ giúp khách hàng nhanh chóng ổn định cuộc sống, khôi phục hoạt động sản xuất, kinh doanh (*Phương án 1*). Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng hai chính sách trên đều có nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và như vậy cùng một khách hàng sẽ cùng lúc được hưởng 2 lần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tại cùng một thời điểm; do đó chỉ nên cho phép áp dụng 01 chính sách (*Phương án 2*).

NHNN đề xuất lựa chọn Phương án 01. Do liên quan đến hỗ trợ từ ngân sách nhà nước nên NHNN đề xuất xin ý kiến thành viên Chính phủ đối với 02 Phương án nêu trên.

2.9. Thay thế một số cụm từ tại khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 13, khoản 4 Điều 17, khoản 3 Điều 19, khoản 2, khoản 3 Điều 22 để tương thích với các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên, cụ thể:

- Thay thế cụm từ “Điều 9, 14 và 15” tại khoản 2 Điều 5 bằng cụm từ “Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 15a”.

- Thay thế cụm từ “khoanh nợ không tính lãi đối với dư nợ bị thiệt hại” tại khoản 2 Điều 12 bằng cụm từ “khoanh nợ không tính lãi đối với dư nợ bị thiệt hại của khách hàng từ thời điểm xảy ra thiệt hại”.

- Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” tại khoản 2 Điều 12 và Mẫu biểu số 01 bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực”.

- Thay thế cụm từ “khoản 3 Điều 14 và khoản 3 Điều 15” tại khoản 2 và khoản 4 Điều 12 bằng cụm từ “khoản 3 Điều 14, khoản 3 Điều 15 và khoản 2 Điều 15a”.

- Thay thế cụm từ “khoản 2 Điều 9, Điều 14 và Điều 15” tại khoản 1 Điều 13 bằng cụm từ “khoản 2 Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 15a”.

- Thay thế cụm từ “Điều 12, 14 và 15” tại khoản 4 Điều 17, khoản 3 Điều 19, khoản 3 Điều 22 thành “Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Điều 15a”.

2.10. Sửa đổi tên điều, bãi bỏ một số điều khoản liên quan đến nhiệm vụ của các Bộ (sửa đổi tên Điều 18, Điều 21; bỏ Điều 20, khoản 3 Điều 21 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP) để phù hợp với kết quả sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ.

2.11. Bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 8 liên quan đến nghiệp vụ ủy thác do đã được thực hiện theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng 2024 (Điều 113, Điều 119, Điều 124, Điều 130) và các văn bản hướng dẫn của NHNN.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Nguồn lực thi hành

- Các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Nghị định không làm phát sinh chi phí thủ tục hành chính.

- Việc cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn từ nguồn vốn của NHTM là hoạt động thường xuyên, các ngân hàng thương mại không phải thành lập tổ chức hoặc bộ phận mới để thực hiện.

- Kinh phí soạn thảo Nghị định theo đúng định mức hướng dẫn của Bộ Tài chính và thuộc nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của NHNN.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản

- Nghị định của Chính phủ được xây dựng phù hợp với chủ trương tại Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 16/6/2020 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và tuân thủ quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

- Sau khi Nghị định được ban hành, NHNN, các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định.

VI. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

- Các nội dung tại dự thảo Nghị định phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, phù hợp với các cam kết/điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia là thành viên như: cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và đã ký kết nhiều Hiệp định thương mại tự do như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) ...

- Dự thảo Nghị định không quy định về các hình thức hỗ trợ, tài trợ thương mại. Tổ chức tín dụng tự chịu trách nhiệm về việc cho vay bằng nguồn vốn của chính tổ chức tín dụng. Do đó, nội dung dự thảo Nghị định không có tác động bóp méo thương mại và không trợ giá cho tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh trên thị trường.

VII. SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ VIỆC LÔNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

- Dự thảo Nghị định không làm phát sinh các thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ quy định về kiểm soát thủ tục hành chính, do đó không làm phát sinh chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- Dự thảo Nghị định không quy định các yếu tố gây nên sự phân biệt về giới, không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực khi thực hiện quyền, nghĩa vụ của mỗi giới, đảm bảo sự bình đẳng cho các đối tượng khi vay vốn theo quy định tại Nghị định.

VIII. GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, Bộ, ngành và địa phương, NHNN đã tiếp thu, giải trình cụ thể và hoàn thiện hồ sơ trình ban hành Nghị

định (Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với hồ sơ dự thảo Nghị định đính kèm).

IX. GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

- Tại Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày ..., Bộ Tư pháp đã có ý kiến: ...

- NHNN xin trình kèm Tờ trình này Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, theo đó NHNN đã tiếp thu đầy đủ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

X. ĐỀ XUẤT CỦA NHNN

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan liên quan, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, NHNN đã rà soát, tiếp thu, giải trình cụ thể, đồng thời hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. NHNN xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

NHNN xin trình kèm theo Tờ trình này các tài liệu liên quan bao gồm: (i) Dự thảo Nghị định; (ii) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (iii) Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia đối với hồ sơ dự thảo Nghị định; (iv) Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan.

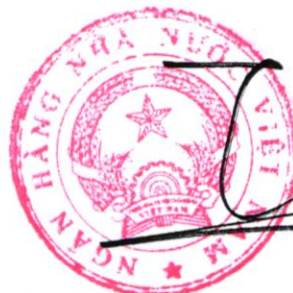
Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTT Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Thống đốc NHNN;
- PTĐ Đào Minh Tú;
- Lưu: VP, VTDCNKT, TD2.(03). TTMNhật.

Đính kèm:

- Dự thảo Nghị định;
- Báo cáo đánh giá tác động chính sách;
- Bảng tổng hợp ý kiến tham gia;
- Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đào Minh Tú

Số: 57 /BC-NHNN

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP
ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ
phát triển nông nghiệp, nông thôn

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) kính trình Chính phủ Báo cáo đánh giá tác động của chính sách tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

1.1. Ngày 16/6/2022, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó liên quan đến nội dung tài chính, ngân hàng, Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ “*Phát triển thị trường tài chính, tín dụng vi mô, các sản phẩm dịch vụ tài chính mới, củng cố và mở rộng hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, bảo đảm an toàn, hiệu quả. Khẩn trương hoàn thiện chính sách để mở rộng quy mô, đối tượng tham gia bảo hiểm nông nghiệp, góp phần giảm thiểu rủi ro cho nông dân. Tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi, khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ nông thôn phát triển sản xuất kinh doanh; nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng. Triển khai có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi để giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề ở nông thôn. Phát huy vai trò của Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong cung cấp tín dụng đối với các hộ sản xuất nông nghiệp, nhất là với hộ nghèo và các đối tượng chính sách; ngăn chặn, xử lý nghiêm tín dụng đen*”.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, trong đó giao NHNN nghiên cứu, rà soát để đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn phù hợp với thực tế, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững (sản phẩm đầu ra là Báo cáo đề xuất hoặc Nghị định, thời gian hoàn thành 2023 - 2025).

1.2. Cuối năm 2024, Con bão số 3 tác động tiêu cực, nặng nề đến đời sống, hoạt động sản xuất kinh doanh tại 26 tỉnh, thành phố¹ và tăng trưởng kinh tế của cả nước nói chung; trong đó, riêng lĩnh vực nông nghiệp thiệt hại ước tính lên tới 31 nghìn tỷ đồng (chiếm 38% tổng thiệt hại về kinh tế); đã đặt ra yêu cầu khẩn trương triển khai các biện pháp giúp người dân sớm ổn định đời sống, khôi phục lại sản xuất, kinh doanh; trong đó có giải pháp tăng cường vốn tín dụng đáp ứng kịp thời nhu cầu khôi phục sản xuất của nền kinh tế. Tại Công văn số 2839/UBND-KTTC ngày 02/10/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (địa phương có dư nợ bị ảnh hưởng do bão lớn nhất) kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo NHNN nghiên cứu, tham mưu, đề xuất nâng mức cho vay không tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP do sau bão nhiều người dân, doanh nghiệp trên địa bàn bị thiệt hại nặng nề, mất trắng tài sản và có nhu cầu vay vốn không có tài sản bảo đảm để tái đầu tư, duy trì sản xuất, từng bước phục hồi. Tại Thông báo số 488/TB-VPCP ngày 25/10/2024, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình chỉ đạo NHNN nghiên cứu, tổng hợp kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh trong quá trình sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP phù hợp với thực tế.

1.3. Kết quả thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ tác động đến một số cơ quan, đơn vị quy định trong văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (Điều 18, 19, 20, 21) và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP (Khoản 6 Điều 1; Mẫu biểu số 01); do đó cũng cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

1.4. Tại Nghị quyết số 173/2024/QH15 ngày 30/11/2024 về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã yêu cầu khẩn trương sửa đổi Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Từ những vấn đề nêu trên, việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn là hết sức cần thiết để chính sách tín dụng phục vụ phát triển lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn phù hợp với tình hình sản xuất nông nghiệp hiện nay và tiếp tục phát huy hiệu quả, đi vào cuộc sống trong thời gian tới, đồng thời góp phần triển khai các giải pháp cấp bách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp ổn định đời sống, khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh sau cơn bão số 3 và phù hợp với chủ trương của Đảng, Chính phủ về sắp xếp, tinh gọn bộ máy chính trị hiệu lực, hiệu quả.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

¹ Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 26 tỉnh, thành phố này chiếm trên 41% GDP và 40% dân số của cả nước

- Thực hiện theo chỉ đạo, định hướng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 173/2024/QH15 ngày 30/11/2024 về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV về *khẩn trương sửa đổi Nghị định số 55/NĐ-CP ngày 9/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn*.

- Góp phần triển khai các biện pháp giúp người dân sớm ổn định đời sống, khôi phục lại sản xuất, kinh doanh sau bão Yagi theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Phù hợp với kết quả sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ hiện nay;

- Tiếp tục kế thừa, phát huy được những chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn như chính sách cho vay không tài sản bảo đảm, chính sách khuyến khích sản xuất nông nghiệp theo mô hình chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, chính sách khuyến khích mua bảo hiểm trong nông nghiệp,..., đồng thời bổ sung những đối tượng sản xuất nông nghiệp mới (nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn); khắc phục, hoàn thiện những bất cập, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn để đảm bảo phù hợp thực tế triển khai và quy định của pháp luật hiện hành.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Xác định vấn đề bất cập

1.1. Sau hơn 9 năm triển khai thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP cho thấy bên cạnh kết quả đạt được, việc triển khai chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn còn gặp khó khăn, vướng mắc; trong đó một số khó khăn vướng mắc cần tháo gỡ liên quan đến cơ chế chính sách (về tài sản bảo đảm, mức cho vay,...); cũng như yêu cầu thực tế đặt ra về mở rộng phạm vi ưu đãi đối với các đối tượng mới trong nông nghiệp như nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn... để phù hợp với xu thế phát triển mới của ngành theo chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

- Cho vay không có tài sản bảo đảm mới chiếm khoảng 20% dư nợ NNNT do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân liên quan đến mức cho vay không có tài sản bảo đảm đối với cá nhân, hộ gia đình quy định tại Nghị định 55, Nghị định 116 được đánh giá là thấp, không còn phù hợp với thực tế sản xuất hiện nay khi chi phí, suất đầu tư đã tăng theo thời gian;

- Một số vấn đề khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai, thực hiện chính sách khoanh nợ như: việc xác định ngày bị thiệt hại để hoàn thiện hồ sơ khoanh nợ, cách xác định dư nợ bị thiệt hại chưa thống nhất, chưa có nguyên tắc xác định thời điểm bắt đầu thực hiện khoanh nợ, không có mẫu văn bản thông báo tình trạng thiên tai trên phạm vi rộng,...gây khó khăn trong công tác xác định số tiền được khoanh nợ;

- Chưa có chính sách ưu tiên về tín dụng đối với một số định hướng mới trong sản xuất nông nghiệp hiện nay (như nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn...);

- Còn cách hiểu khác nhau về việc thụ hưởng các chính sách hỗ trợ từ ngân sách tại cùng một thời điểm (khách hàng đã được hưởng chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo quy định tại Nghị định 02/2017/NĐ-CP của Chính phủ, hiện đã được thay thế bởi Nghị định 09/2025/NĐ-CP nhưng khách hàng vẫn đề nghị được hỗ trợ khoản nợ đối với phần vốn vay ngân hàng; trong khi có ý kiến cho rằng chỉ nên cho phép áp dụng 01 chính sách...);

- Quy định về việc khách hàng vay không có tài sản bảo đảm nhưng vẫn phải nộp *Giấy xác nhận chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận* còn vướng mắc do Ủy ban nhân dân xã không có thẩm quyền để xác định, xác nhận *đất không có tranh chấp*.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đảm bảo thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, đáp ứng tối đa nhu cầu của người dân, doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất nông nghiệp giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc: (i) phù hợp với định hướng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, nhiệm vụ được Quốc hội giao, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo; (ii) Tiếp tục kế thừa, phát huy được những chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn như chính sách cho vay không tài sản bảo đảm, chính sách khuyến khích sản xuất nông nghiệp theo mô hình chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, chính sách khuyến khích mua bảo hiểm trong nông nghiệp,...; (iii) Bổ sung những đối tượng sản xuất nông nghiệp mới (nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn); (iv) khắc phục, hoàn thiện những bất cập, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn để đảm bảo phù hợp thực tế triển khai và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Từ tình hình thực tế nêu trên, NHNN đề xuất sửa đổi, bổ sung một số chính sách theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP như sau:

3.1. Sửa đổi khoản 12 Điều 3 quy định về nguyên nhân khách quan, bất khả kháng bao gồm:

- Các nguyên nhân xảy ra làm thiệt hại đến vốn, tài sản của dự án hoặc phương án vay vốn: các loại thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai; các dịch bệnh, dịch hại theo quy định của pháp luật về dịch bệnh, dịch hại (tại Nghị định này gọi chung là dịch bệnh); hỏa hoạn;

- Nhà nước thay đổi chính sách hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng: không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm, bị hạn chế theo quy định của pháp luật; khách hàng phải thực hiện việc chuyển đổi

sản xuất, kinh doanh theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Lý do sửa đổi: Quy định cụ thể nguyên nhân khách quan, bất khả kháng để áp dụng chính sách giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoan nợ theo Nghị định. Các nguyên nhân này được quy định tương tự như quy định về nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo Quyết định 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ², đồng thời đảm bảo phù hợp với đặc thù, điều kiện áp dụng chính sách xử lý rủi ro trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Ngoài ra, Nghị định quy định điều khoản mở về các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ để linh hoạt trong trường hợp thực tế phát sinh các nguyên nhân khác cần áp dụng chính sách xử lý rủi ro theo quy định tại Nghị định này.

3.2. Bổ sung quy định về thời điểm xảy ra thiệt hại, số dư nợ bị thiệt hại, thời điểm bắt đầu khoan nợ:

- Bổ sung khoản 14 vào Điều 3 quy định *Thời điểm xảy ra thiệt hại* là thời điểm được xác định theo một trong các căn cứ về nguyên nhân khách quan, bất khả kháng sau:

a) Đối với trường hợp thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng: Ngày đầu tiên trong khoảng thời gian xảy ra thiên tai tại văn bản thông báo tình trạng thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Đối với trường hợp nguyên nhân khách quan, bất khả kháng khác:

(i) Đối với trường hợp thiên tai: Ngày đầu tiên trong khoảng thời gian xảy ra thiên tai theo xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;

(ii) Đối với trường hợp dịch bệnh: Ngày đầu tiên trong khoảng thời gian diễn ra dịch bệnh theo văn bản công bố dịch bệnh theo quy định pháp luật về dịch bệnh, thú y, bảo vệ kiểm dịch thực vật;

(iii) Đối với trường hợp hỏa hoạn: Ngày đầu tiên trong khoảng thời gian xảy ra hỏa hoạn theo xác nhận của cơ quan phòng cháy và chữa cháy về hỏa hoạn;

(iv) Đối với trường hợp nhà nước thay đổi chính sách hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng: Ngày có hiệu lực của văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

(v) Đối với trường hợp nguyên nhân khách quan, bất khả kháng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Ngày ban hành văn bản của Thủ tướng Chính phủ.

- Bổ sung khoản 15, 16, 17 vào Điều 3 quy định khái niệm *Số dư nợ bị thiệt hại của một tài sản, số dư nợ bị thiệt hại của khách hàng vay vốn, văn bản thông báo tình trạng thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng của Ủy ban nhân dân cấp*

² Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội